TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/KDTM-ST
Ngày: 22 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương.

2. Ông Doãn Văn Sáng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Đ; địa chỉ trụ sở: Số 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng Giao dịch T (Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ –TGĐ ngày 16/02/2017); có mặt.

2. Bị đơn: Ông C, sinh năm 1971 và bà L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Phù Lưu, xã P, huyện T, Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Đ do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/04/2008, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hải Phòng – Phòng Giao dịch T (sau đây gọi tắt là DongA Bank) và Ông C và bà L có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K.0037/118 ngày 16/03/2018 với nội dung: Đ Bankcho Ông C và bà L vay số tiền là: 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày ký Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay; lãi suất vay: 10,5%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng diện tích đất 506m^2; thửa số 483a; tờ bản đồ số:01; địa chỉ: Thôn Phù Lưu, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 013657, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00317/H/2005 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là ông C và bà L. Việc thế chấp tài sản được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0011/TC18 ngày 16/03/2018 giữa Đ Bankvới Ông C và bà L.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số K.0037/118 ngày 16/03/2018, tính đến ngày 19/03/2019, ông C và bà L mới trả được số nợ lãi trong hạn là: 21.000.000 đồng, ngày 19/03/2019 ông C và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên toàn bộ số nợ vay chuyển sang nợ quá hạn.

Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng của bên vay đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của DongA Bank. Để đảm bảo thu hồi vốn vay, Ngân hàng Đ đề nghị Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng giải quyết buộc ông C và bà L phải thanh toán trả cho Ngân hàng Đ các khoản nợ tạm tính đến hết ngày 22/10/2019 như sau: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; lãi quá hạn: 18.727.397 đồng. Tổng cộng các khoản nợ gốc, lãi quá hạn là: 218.727.397 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/10/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho DongA Bank.

Nếu ông C và bà L không trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Đ Bankthì Đ Bankcó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mại, xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng Đ thì ông C và bà L phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Đ.

Bị đơn là bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Tòa án với nội dung như sau:

Năm 2018, ông Chuân, bà Lĩnh có vay tiền của Ngân hàng Đ thông qua hợp đồng tín dụng số K.0037/118 ngày 16/03/2018 ngày 16/03/2018, theo hợp đồng nói trên, ông Chuân, bà Lĩnh có vay của Ngân hàng Đ số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày ký Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay; lãi suất vay: 10,5%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Chuân, bà Lĩnh đã thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 506m^2; thửa số 483a; tờ bản đồ số:01; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 013657, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00317/H/2005 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là ông C và bà L

Trong quá trình vay vốn, ông Chuân, bà Lĩnh mới trả cho Ngân hàng được 21.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, do làm ăn khó khăn nên ông Chuân, bà Lĩnh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận với Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Hướng bà Hà phải trả ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/03/2019 là: 201.035.616 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho DongA Bank. Bà Lĩnh xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lái phát sinh nói trên nhưng do việc kinh doanh khó khăn nên bà Lĩnh đề nghị Ngân hàng được trả nợ dần. Ông Chuân, bà Lĩnh không đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp với Ngân hàng để thu hồi nợ.

Bị đơn là Ông C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn là bà L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông C.

Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông C và bà L có ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng Giao dịch T số tiền 200.000.000 (Hai trã triệu đồng), việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng đều đúng quy định của pháp luật, có công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp

đồng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền theo đúng thỏa thuận, nhưng bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và trả gốc đúng kỳ hạn đã cam kết trong hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã đôn đốc, nhắc nợ nhiều lần. Nguyên đơn đã xuất trình hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ thể hiện bị đơn đã nhận nợ số tiền 200.000.000 (Hai trã triệu đồng) đồng và các bảng tính nợ gốc và lãi từ thời điểm nhận nợ cho đến 22/10/2019 ông C và bà L còn nợ Ngân hàng Đ các khoản nợ sau: là: 218.727.397 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; lãi quá hạn: 18.727.397 đồng. Tổng cộng các khoản nợ gốc, lãi quá hạn là: 218.727.397 đồng. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 122, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghi quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hộ đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Ông C và bà L phải trả cho Ngân hàng Đ số Nợ gốc: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; lãi quá hạn: 18.727.397 đồng. Tổng cộng các khoản nợ gốc, lãi quá hạn là: 218.727.397 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 23/10/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Đ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông C và bà L không trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Đ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng diện tích đất 506m^2; thửa số 483a; tờ bản đồ số:01; địa chỉ: Thôn Phù Lưu, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 013657, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00317/H/2005 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là ông C và bà L theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0011/TC18 ngày 16/03/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng Giao dịch T và ông C và bà L để đảm bảo việc thi hành án. Truờng hợp phát mại, xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng Đ thì ông C và bà L phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Đ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 30; Điều 35 và Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là Ông C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K.0037/118 ngày 16/03/2018; Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 19/03/2018 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0011/TC18 ngày 16/03/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng Giao dịch T và ông C và bà L và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định: Ông C và bà L có ký kết vay vốn của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hải Phòng số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày ký Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay; lãi suất vay: 10,5%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nói trên là: Quyền sử dụng diện tích đất 506m^2; thửa số 483a; tờ bản đồ số:01; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 013657, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00317/H/2005 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là ông C và bà L. Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đ□ơng sự là hoàn toàn tự nguyện, có công chứng và đăng ký giao dịch thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 19/03/2019, ông C và bà L mới trả được số nợ lãi trong hạn là: 21.000.000 đồng. Từ ngày 19/03/2019 ông C và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với khoản vay nói trên.

Tính đến hết ngày 20/8/2019, ông C và bà L còn nợ Ngân hàng Đ các khoản: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; lãi quá hạn: 18.641.096 đồng. Tổng cộng các khoản nợ gốc, lãi quá hạn là: 218.641.096 đồng.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 122, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghi quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hộ đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông C và bà L phải trả cho Ngân hàng Đ tổng cộng các khoản nợ gốc, lãi quá hạn tính đến hết ngày 22/10/2019 là: 218.727.397 đồng(Hai trăm mười tám triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; lãi quá hạn: 18.727.397 đồng. Ông C, bà L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 23/10/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Đ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

đã ký kết.

Trường hợp ông C và bà L không trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Đ thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng diện tích đất 506m^2; thửa số 483a; tờ bản đồ số:01; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 013657, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00317/H/2005 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là ông C và bà L theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0011/TC18 ngày 16/03/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng Giao dịch T và ông C và bà L để đảm bảo việc thi hành án.

Trường hợp phát mại, xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng Đ thì ông C và bà L phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Đ.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn do pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 244 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hộ đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, buộc bị đơn là Ông C và bà L phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến hết ngày 22/10/2019 là: 218.727.397 đồng (Hai trăm mười tám triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó, số nợ gốc là : 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); nợ lãi quá hạn là: 18.641.096 đồng (Mười tám triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Ông C và bà L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 23/10/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Đ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Trường hợp ông C và bà L không trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Đ thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng diện tích đất 506m^2; thửa số 483a; tờ bản đồ số:01; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 013657, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00317/H/2005 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là ông C và bà L theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số K.0011/TC18 ngày 16/03/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng Giao dịch T và ông C và bà L để đảm bảo việc thi hành án.

3. Trường hợp phát mại, xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng Đ thì ông C và bà L phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Đ.

4.Về án phí: Ông C và bà L phải nộp 10.936.370 đồng (Mười triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002739 ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND huyện Thuỷ Nguyên;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. T
- VKSND H. T;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương